

khoảng 10 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13).

Tro toàn phần

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Tiến hành phương pháp Định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7). Lấy khoảng 30 g dược liệu khô, thêm khoảng 200 ml nước; cất trong 3 h với tốc độ 2,5 ml/min đến 3,5 ml/min.

Dược liệu phải chứa ít nhất 1,0 % tinh dầu, tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Xà sàng: Lấy dược liệu khô, sàng xây bỏ tạp chất, hạt lép. Dùng sàng để nấu nước tắm rửa.

Xà sàng tẩm muối sao: Cứ 1 kg Xà sàng dùng 200 g muối ăn. Hòa muối với nước vừa đủ làm ẩm Xà sàng, trộn đều với dược liệu, ủ 2 h, sao có mùi thơm và dược liệu nở đều, màu hơi ngà vàng là đạt. Tẩm muối sao để thuốc hấp thụ vào thận, điều trị có kết quả tốt.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, thoáng mát, tránh làm mất tinh dầu.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, mất tinh dầu, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, đắng, tính ôn. Vào các kinh thận, tam tiêu.

Công năng, chủ trị

Bổ thận, cường dương, tán hàn, tiêu độc. Chủ trị: Liệt dương, di tinh, mộng tinh, hoạt tinh, viêm âm đạo, viêm cổ tử cung, ngứa âm hộ, xích bạch đới. Đau nhức các khớp. Mụn nhọt lở ngứa ngoài da.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Đun nước để tắm rửa trị viêm nhiễm ngoài da theo chỉ định của thầy thuốc, lượng thích hợp.

Ghi chú: Kết hợp lá Khổ sâm và Xà sàng tỷ lệ (1 : 1), cứ 30 g Xà sàng từ và 30 g lá Khổ sâm đun sôi 1 h với 2 lít nước, để ẩm, vớt bỏ bã lấy nước ngâm rửa âm đạo, âm hộ trị viêm âm đạo, viêm cổ tử cung lộ tuyến, âm đạo ngứa.

Kiêng kỵ

Người hòa vượng, cường dương cấm dùng.

XÍCH ĐỒNG NAM (RỄ)

Clerodendri japonici Radix

Mô tả

Rễ được làm khô của cây Xích đồng nam (*Clerodendrum japonicum* (Thunb.) Sweet.), họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae). Tên đồng nghĩa: *Volkameria japonica* Thunb.; *Volkameria kaempferi* Jacq.; *Clerodendrum squamatum* Vahl; *Clerodendrum kaempferi* (Jacq.) Sieb. ex Steud.; *Clerodendrum infortunatum* auct. Non. L. Thu hoạch vào mùa đông. Đào lấy rễ, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Rễ hình trụ, thẳng hoặc hơi cong, dài 10 cm đến 30 cm, đường kính 0,5 cm đến 2 cm và có nhiều rễ con. Mặt ngoài màu vàng xám, có những vết nhăn theo chiều dọc. Mặt cắt ngang màu vàng nhạt. Chất giòn cứng, dễ bẻ gãy, mùi thơm nhẹ, vị nhạt.

Vĩ phẫu

Lớp vỏ gồm tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn, xếp thành hàng có nhiều chỗ bị nứt, rách. Mô mềm vỏ gồm các tế bào hình trứng, thành mỏng. Mô cứng gồm các tế bào, thành dày hóa gỗ, tụ thành đám rải rác thành vòng bao ngoài lớp libe, trong có chứa nhiều tinh thể calci oxalat hình khối. Libe gồm các tế bào nhỏ bao ngoài lớp gỗ. Tầng phát sinh libe-gỗ gồm một hàng tế bào thành mỏng. Gỗ gồm các mạch to nhỏ khác nhau, bó gỗ xuất phát từ tâm. Trong cùng là lớp mô mềm ruột, bao gồm những tế bào hình đa giác.

Soi bột

Các hạt tinh bột tròn, đứng riêng lẻ hoặc tập trung thành các dạng kép 2, kép 3 hoặc 4. Mảnh bản màu nâu đỏ bao gồm các tế bào hình chữ nhật dài, thành mỏng. Mảnh mô mềm chứa các hạt tinh bột. Tinh thể calci oxalat hình khối đứng riêng lẻ hoặc tập trung thành từng đám trong tế bào mô cứng. Các tế bào mô cứng thành dày, đứng riêng lẻ hoặc tập trung thành đám. Mảnh mạch điểm.

Định tính

A. Lấy khoảng 5 g bột dược liệu cho vào bình nón có dung tích 100 ml, thêm 50 ml *ethanol* 90 % (TT). Lắc kỹ, đun trong cách thủy 10 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến khi còn khoảng 5 ml để làm các phản ứng sau:

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 5 giọt *acid hydrochloric* (TT) và ít bột *magnesi* (TT), lắc đều, xuất hiện màu đỏ hồng.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 2 giọt *dung dịch natri hydroxyd* 20 % (TT), xuất hiện tủa vàng cam, tủa sẽ tan trong lượng dư thuốc thử.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 1 ml *ethanol* 90 % (TT), lắc đều, thêm 3 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), dung dịch thu được chuyển từ xanh nhạt sang xanh đen.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4)

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - acid formic (4 : 4 : 0,5).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 10 g bột dược liệu, thêm 100 ml *methanol* (TT). Đun hồi lưu trong cách thủy 15 min. Lấy dịch chiết, lọc qua giấy lọc, cô dịch lọc trên cách thủy đến còn 5 ml để làm dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy khoảng 10 g bột rễ Xích đồng nam (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Quan sát sắc ký đồ dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm và hiện màu bằng hơi iod. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 2 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 10 g bột dược liệu (qua rây số 355) cho vào bình nón. Thêm 100 ml *methanol* (TT), lắc siêu âm 30 min, gạn lấy dịch chiết. Bã được chiết như trên 2 lần nữa. Gộp các dịch chiết *methanol*, cất thu hồi *methanol* dưới áp suất giảm đến còn khoảng 20 ml dịch chiết. Thêm 10 ml nước nóng, đun trong cách thủy 60 °C trong 30 min, khuấy kỹ để hòa tan. Lọc nóng qua bông, sau đó lọc tiếp qua giấy lọc gấp nếp. Lọc và tráng nhiều lần để thu dịch lọc (5 ml nước nóng/1 lần $\times$ 5 lần). Để nguội, gộp dịch lọc và dịch tráng vào bình gạn, lắc với *ethyl acetat* (TT) 5 lần, mỗi lần 50 ml. Gộp dịch chiết *ethyl acetat*, cất thu hồi dung môi dưới áp suất giảm còn khoảng 20 ml, cho dịch chiết này vào cốc đã cân bì. Bốc hơi trên cách thủy tới cạn. Sấy cạn ở 60 °C đến khối lượng không đổi, để nguội trong bình hút ẩm 30 min rồi đem cân ngay. Tính hàm lượng cần thu được.

Hàm lượng cần thu được phải không được ít hơn 0,2 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Lấy dược liệu khô, loại bỏ tạp chất, thái phiến dày 2 mm đến 3 mm, sao vàng (Phụ lục 12.20).

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm, để nơi khô ráo.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô ráo tránh ẩm mốc, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị hơi đắng, tính lương. Vào các kinh tâm, tỳ.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt giải độc, khu phong trừ thấp, tiêu viêm. Chủ trị: Viêm túi mật, vàng da, các chứng thấp chân ngoài da, gân xương đau nhức.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 15 g đến 20 g, dạng thuốc sắc.

XÍCH THUỘC (RỄ)

Paeoniae Radix Rubra

Rễ được làm khô của cây Thuộc dược (*Paeonia lactiflora* Pall.) hoặc cây Xuyên xích thuộc (*Paeonia veitchii* Lynch), họ Mẫu đơn (Paeoniaceae). Thu hoạch vào mùa xuân, thu. Đào lấy rễ, loại bỏ thân, rễ con, đất cát, phơi trong bóng râm và sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Paeonia lactiflora: Rễ hình trụ, hơi cong, thường phồng to ở giữa, dài 5 cm đến 40 cm, đường kính 0,5 cm đến 3 cm. Mặt ngoài hơi thô, màu nâu sẫm hoặc nâu đỏ tía, có vân dọc hơi xoắn lại, mang vết của rễ con và lỗ vỏ nhỏ lên theo chiều ngang, đôi khi lớp vỏ ngoài cùng (lớp bản) dễ bị tróc. Chất cứng và giòn, dễ bẻ gãy; mặt bẻ màu trắng phấn, vàng nhạt hoặc hơi hồng; phần vỏ hẹp, gỗ có vân xuyên tâm rõ, đôi khi có khe nứt. Mùi nhẹ, vị hơi đắng, chua và chát.

Paeonia veitchii: Rễ dài từ 5 cm đến 20 cm, bên ngoài có vết tích của lớp bản đã bị bong tróc, màu đỏ nâu hoặc nâu sẫm. Chất xốp, mặt cắt màu nâu đen phần vỏ, gỗ màu vàng nhạt. Cạo bỏ lớp vỏ ngoài thì rễ có màu đỏ tía nhạt hoặc màu trắng xốp mịn, mặt gãy màu vàng nhạt.

Vì phẫu

Bản gồm vài hàng tế bào màu nâu. Tế bào mô mềm của vỏ dạng kéo dài ra theo hướng tiếp tuyến. Libe tương đối hẹp. Tầng phát sinh xếp thành một vòng. Tia gỗ tương đối rộng, mạch gỗ xếp theo hướng xuyên tâm, kèm theo có các sợi gỗ. Các tế bào mô mềm chứa các cụm tinh thể calci oxalat và hạt tinh bột. Tia gỗ, mạch gỗ, sợi gỗ nằm trong mô gỗ không hóa gỗ.

Bột

Màu đỏ hơi nâu hoặc màu nâu. Hạt tinh bột đơn gần hình cầu hoặc hình trứng; bó tinh thể calci oxalat hình cầu gai, đường kính 5 μ m đến 46 μ m; các tế bào nhỏ chứa một tinh thể hay nhiều tinh thể calci oxalat hình cầu gai, xếp thành hàng; sợi gỗ hình thoi có thành hóa gỗ, hơi dày lên, có lỗ rõ. Mạch mạch mạng, mạch điểm. Mạch bản tế bào màu nâu, nâu đỏ, hình chữ nhật hoặc hình đa giác, thành hơi dày, phẳng hoặc hơi lượn sóng.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat* - *methanol* - nước (8 : 2 : 1).